| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 313/2025/HC-PT
Ngày: 18/6/2025
*"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng;
*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Cường;
Bà Phan Thị Vân Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

*** Người bị kết án: Thái Thanh T**, sinh ngày: 01/01/1977 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn Â, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Địnhnghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Thanh V năm 1955 và bà Nguyễn Thị D năm 1955; có vợ là Trần Thị Đ, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không.

*Trong vụ án còn có Nguyễn Ngọc T1bị kết án về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và Nguyễn Thị Thanh K kết án về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ".*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Vào khoảng 17 giờ ngày 04/5/2021, Thái Thanh T*(có giấy phép lái xe ô tô hạng E và FC nhưng đang bị Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện P1, tỉnh Bình Định tạm giữ do vi phạm hành chính)* điều khiển xe ô tô khách biển số 77B-017.31 lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Bến xe H, tỉnh Bình Định đi Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 20 giờ 33 phút cùng ngày, khi đến địa phận thuộc thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (thuộc khu vực đông dân cư), T1 điều khiển xe với vận tốc khoảng 50 – 55km/h; lúc này, N2 điều khiển xe mô tô biển số 77G1-778.82 ở làn

đường đối diện *(theo hướng xe ô tô di chuyển)* chuyển hướng rẽ sang trái đường để di chuyển về nhà *(khu vực có khoảng trống của dải phân cách)*. Do Tkhông tập trung quan sát, không giảm tốc độ kịp thời dẫn đến xe ô tô do T2 khiển đã va chạm với xe mô tô do T1điều khiển. Sau khi va chạm với xe mô tô, xe ô tô tiếp tục lao vào Cửa hàng mâm lốp T của ông Hồ Xuân A nhà riêng của ông Dương Minh C nằm ở phía bên phải đường theo hướng xe ô tô khách đang lưu thông. Hậu quả, N3 thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 36%; ông Dương Minh C bị tường đổ đè lên người dẫn đến thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 53%; ngoài ra, Cửa hàng mâm lốp T nhà của ông Dương Minh C, xe ô tô biển số 77B-017.31 và xe mô tô biển số 77G1-778.82 bị hư hỏng với tổng thiệt hại theo định giá là 117.222.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: xe ô tô khách biển số 77B-017.31 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thành Lông L cho con gái là Nguyễn Thị Thanh K1 quản lý và kinh doanh dịch vụ. Từ năm 2017, Nguyễn Thị Thanh Kthuê Thái Thanh T2 khiển xe ô tô nêu trên để kinh doanh vận chuyển. Ngày 26/3/2021, quá trình tham gia giao thông, Thái Thanh T bị Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện P1, tỉnh Bình Định lập biên bản vi phạm hành chính do có hành vi "Đỗ xe nơi đường bộ giao nhau". Ngày 29/3/2021, Công an huyện P1, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 900.000 đồng đối với Thái Thanh T, đồng thời tạm giữ giấy phép lái xe ô tô hạng E và FC của Thái Thanh T, hẹn đến ngày 01/4/2021 liên hệ Công an huyện P1, tỉnh Bình Định để giải quyết theo quy định, nhưng T6 liên hệ để nộp phạt và nhận lại giấy phép lái xe ô tô nêu trên. Tại thời điểm xảy ra tai nạn vào ngày 04/5/2021, Thái Thanh T3 được Công an huyện P1, tỉnh Bình Định trả lại giấy phép lái xe ô tô đã tạm giữ.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-TP ngày 18/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định truy tố Thái Thanh Toàn về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 25/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định quyết định: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thái T4 T02 (hai) năm tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo N4 phạt bổ sung; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08/5/2024, bị cáo Thái Thanh T5 đơn kháng cáo xin xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2024/HS-PT ngày 08/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thái Thanh T Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thái T4 T02 (hai) năm tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia

giao thông đường bộ", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn xem xét quyết định đối với các nội dung kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/QĐ-VC2 ngày 14/5/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2024/HS-PT ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định để điều tra lại, với lý do chính: *quá trình điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa đánh giá toàn diện lỗi của các bị cáo, yếu tố "sự kiện bất ngờ" trong hành vi gây tai nạn của* Thái Thanh T6 *thu thập biển báo giao thông ở đoạn đường xảy ra tai nạn, dẫn đến kết luận trong bản án cấp sơ thẩm, phúc thẩm không toàn diện, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Ngoài ra, việc truy tố, xét xử đối với bị cáo Thái Thanh T với tình tiết "không có giấy phép lái xe theo quy định" là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.*

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/QĐ-VC2 ngày 14/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2024/HSPT ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định để điều tra lại.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hành vi phạm tội của Thái Thanh T

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đủ căn cứ xác định: khoảng 20 giờ 33 phút ngày 04/5/2021, T2 khiển xe ô tô khách biển số 77B-017.31 tham gia giao thông trên Quốc lộ A theo hướng Bắc - N. Khi đến khu vực đông dân cư (thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), T1 điều khiển xe lưu thông với vận tốc khoảng 50 - 55km/h và không tập trung chú ý quan sát nên khi phát hiện Nguyễn Ngọc T7 điều khiển xe mô tô biển số 77G1- 778.82 ở chiều ngược lại đang chuyển hướng rẽ trái tại khu vực khoảng trống của dải phân cách để qua đường *(xe mô tô do T1điều khiển đã qua ¼ phần đường của xe ô tô do* T2 *khiển)*, T6 giảm tốc độ mà chỉ đánh lái sang bên phải đường để tránh nhưng không kịp, vẫn dẫn đến va chạm với xe mô tô do T1điều khiển, sau đó xe ô tô tiếp tục lao vào cửa hàng L1và tường nhà của ông Dương Minh C ở phía bên phải đường theo hướng di chuyển thì mới dừng lại

được. Hậu quả của vụ tai nạn khiến N3 thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 36%, ông Dương Minh C1 thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 53% (năm mươi ba phần trăm); gây thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là 117.222.000 đồng.

[3] Về mức độ lỗi của Thái Thanh T:

[4] Quá trình điều tra, truy tố và tại các phiên tòa, Thái Thanh T8 thừa nhận khi đang điều khiển xe ô tô khách đi qua khu vực thôn Q, xã P, huyện T cửa hàng mâm lốp Tvới tốc độ khoảng 50-55km/h, cách lối mở của đầu dải phân cách 3-4 m, T12 phát hiện cách có xe mô tô đang rẽ trái để sang đường. Tuy nhiên, theo Bản vẽ hiện trường và trên thực tế thì vị trí va chạm giữa xe ô tô và xe mô tô thuộc về phía Nam, cách dải phân cách là 4,38m, cách vạch đường nhà dân sinh 5,45m, cách điểm đầu phía Bắc của khoảng trống dải phân cách 20,25m; trong khi đó, khoảng trống lối mở giữa dải phân cách là 25,25m, nhưng điểm va chạm cách điểm đầu đến khoảng trống phía Bắc trên phần đường xe ô tô là 20,35m. Như vậy, trong trường hợp này, khoảng cách gần nhất Tphát hiện xe mô tô do T1điều khiển trước khi va chạm xảy ra xa hơn khoảng cách 3-4 m như lời Tkhai.

[5] Trong vụ án này, mặc dù N5 có lỗi vì điều khiển xe mô tô chạy trên phần đường ngược chiều sau đó chuyển hướng qua khoảng trống của dải phân cách. Nhưng khi tham gia giao thông trên đoạn đường đông khu dân cư T9 thấy trước hoặc buộc phải thấy trước có khả năng cao dẫn đến tai nạn giao thông nếu không tập trung quan sát và điều khiển xe với tốc độ cao. Trong khi đó, trước khi xảy ra tai nạn Tđã thấy Nguyễn Ngọc T10 điều khiển xe mô tô và chuyển hướng sang đường từ xa, nhưng do ý thức chủ quan nên Thái Thanh T6 giảm tốc độ đến mức an toàn từ trước khi lưu thông qua khu vực đông dân cư, không tập trung quan sát, không làm chủ tốc độ nên xử lý tình huống không kịp thời dẫn đến gây tai nạn. Vì vậy, trong trường hợp này, các tình tiết trên chưa thỏa mãn các yếu tố của "Sự kiện bất ngờ" theo quy định tại Điều 20 của Bộ Luật Hình sự

[6] Về áp dụng pháp luật:

[7] Ngày 26/3/2021, quá trình tham gia giao thông, Thái Thanh T11 Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện P1, tỉnh Bình Định lập biên bản vi phạm hành chính do có hành vi "Đỗ xe nơi đường bộ giao nhau". Ngày 29/3/2021, Công an huyện P1, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 900.000 đồng đối với Thái Thanh T, đồng thời tạm giữ giấy phép lái xe ô tô hạng E và FC của Thái Thanh T, hẹn đến ngày 01/4/2021 liên hệ Công an huyện P1, tỉnh Bình Định để giải quyết theo quy định, nhưng T6 liên hệ để nộp phạt và nhận lại giấy phép lái xe ô tô nêu trên. Tại thời điểm xảy ra tai nạn vào ngày 04/5/2021, Thái Thanh T3 được Công an huyện P1, tỉnh Bình Định trả lại giấy phép lái xe ô tô đã tạm giữ.

[8] Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ thì trường hợp khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của

người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ. Như vậy, tại thời điểm xảy ra tai nạn, Thái Thanh T không có giấy phép lái xe là vi phạm khoản 2, khoản 4 Điều 82 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Thái Thanh T12 phạm vào tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* với tình tiết *"Không có giấy phép lái xe theo quy định "* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[9] Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2024/HSPT ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định kết án Thái Thanh T13 tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, không Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 24/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2024/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1626/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện:*** Bà Bùi Thị N, sinh năm 1923, chết ngày 12/02/2025 (sau khi xét xử sơ thẩm).

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N:*

1. Ông Huỳnh Hữu T14, sinh năm 1955; địa chỉ: K Đ, phường C, quận T, Thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Ông Huỳnh Hữu B, sinh năm 1946; có mặt.

3. Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1952; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L1:* Ông Huỳnh Hữu B, sinh năm 1946; có mặt.

4. Ông Huỳnh Hữu A1, sinh năm 1960; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông A1:* Ông Huỳnh Hữu T14, sinh năm 1955; có mặt.

5. Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1960; có mặt.

6. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1964; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố I, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

***- Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Cùng có địa chỉ: Số B T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phan Thị N1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân huyện T; vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1964; có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Hà Minh T15, sinh năm 1983; vắng mặt.

3. Bà Hà Thị Lệ H2, sinh năm 1954; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà T15, bà H2:* Ông Huỳnh Hữu B, sinh năm 1946; có mặt.

4. Ông Huỳnh Hữu A1, sinh năm 1960; vắng mặt.

5. Ông Huỳnh Minh S, sinh năm 1988; vắng mặt.

6. Ông Huỳnh Hữu B, sinh năm 1946; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố I, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

7. Bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; địa chỉ: Số F H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Thái B1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Đình L3, chức vụ: Phó Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Q; vắng mặt.

***- Người kháng cáo:*** Người khởi kiện bà Bùi Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

*- Người khởi kiện bà Bùi Thị N và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày:*

Thửa đất số 661, tờ bản đồ số 05 tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (viết tắt là Thửa 661) có nguồn gốc do gia đình bà Bùi Thị N sử dụng từ trước năm 1975 và được ông Huỳnh Hữu P (chồng bà N) kê khai, đăng ký hồ sơ theo Nghị định 60/CP, diện tích 2.000m³, loại đất T; mục đích sử dụng là sử dụng riêng để ở. Vợ chồng bà Bùi Thị N cùng gia đình các con gồm: Bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Hữu A1, bà Nguyễn Thị Kim L2, ông Huỳnh Minh S, ông Huỳnh Hữu B, bà Hà Thị Lệ H2, bà Huỳnh Thị Hà Minh T15 đã xây dựng nhà cửa và sinh sống trên Thửa 661. Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (viết tắt là CNVPĐK huyện T) lập ngày 23/5/2014 thì Thửa 661 có diện tích 1.976m².

Năm 2014 Nhà nước thu hồi 274,8m² để thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ A; diện tích đất còn lại 1.701,2m² gia đình bà Bùi Thị N tiếp tục sử dụng.

Thực hiện Dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn (nay là đường V) đến Quốc lộ A tại ngã ba C, đoạn qua thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (viết tắt là Dự án đường nối); ngày 20/10/2022, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T ban hành Quyết định số 592/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 592) tiếp tục thu hồi của gia đình bà Bùi Thị N 997,65m²; ngày 06/12/2022 UBND huyện T ban hành Quyết định số 775/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 775) điều chỉnh nội dung Quyết định 592, điều chỉnh lại vị trí, ranh giới đất thu hồi theo Trích lục Bản đồ địa chính số 2731/CNVPĐK-TH do CNVPĐK huyện T lập ngày 30/11/2022 (viết tắt là TLBĐ 2731). Tại TLBĐ 2731 thể hiện diện tích Thửa 661 là 1.792,2m². UBND huyện T thu hồi 1.026,8m² nhưng chỉ bồi thường cho gia đình bà Bùi Thị N 997,65m², còn 29,15m² không đủ điều kiện bồi thường, đồng thời xác định trong diện tích 1.792,2m² có 139m² nằm trong vệt giải phóng mặt bằng (GPMB) Quốc lộ A nên diện tích đất thực tế còn lại của gia đình bà Bùi Thị N là 626,4m². Ngày 21/10/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2501/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho gia đình bà Bùi Thị N (viết tắt là Quyết định 2501), bồi thường về đất số tiền 7.610.074.200 đồng đối với 997,65m² đất thu hồi, tương ứng 7.628.000 đồng/m², không giải quyết bố trí tái định cư cho gia đình bà Bùi Thị N.

Ngày 14/6/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 460/QĐ- UBND (viết tắt là Quyết định 460) thu hồi thêm 68,9m² nằm ngoài vạch giải phóng mặt bằng và ngày 26/6/2023 ban hành Quyết định số 1237/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 1237) bồi thường cho gia đình bà Bùi Thị N 525.569.200 đồng, tương ứng 7.628.000 đồng/m².

Nhận thấy việc thu hồi đất, bồi thường, tái định cư của UBND huyện T là chưa đúng nên ngày 06/9/2023 bà Bùi Thị N có đơn đề nghị UBND huyện T thu hồi toàn bộ diện tích đất gia đình đang sử dụng gồm: Tổng diện tích đất là 1.701,2m², đã thu hồi 1.026,8m² theo Quyết định số 592, được điều chỉnh bởi Quyết định số 775 và 68,9m² theo Quyết định số 460, đề nghị thu hồi 605,5m² đất còn lại để giải quyết bồi thường cho tổng diện tích đất thu hồi là 1.701,2m²; đề nghị xác định lại giá đất bồi thường cho toàn bộ diện tích đất thu hồi và bố trí tái định cư cho gia đình. Ngày 17/10/2023 UBND huyện T có Công văn số 3116/UBND-PTQDCNDV phúc đáp cho rằng hiện nay gia đình bà Bùi Thị N chỉ còn lại 424,45m², không phải là 605,5m² và

không đồng ý với các đề nghị của bà Bùi Thị N.

Ngày 28/10/2022, bà Bùi Thị N có đơn khiếu nại lần đầu yêu cầu xác định diện tích đất còn lại sau khi thu hồi, giá đất bồi thường và xác định số hộ, số khẩu trong gia đình để bố trí tái định cư khi thu hồi đất theo Quyết định 592 và Quyết định 460. Ngày 23/08/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 1776) trả lời không chấp nhận khiếu nại về việc xác định lại diện tích đất còn lại sau khi thu hồi và giá đất bồi thường, không đồng ý bồi thường cho 29,5m² đất trong 1.026,8m² đất thu hồi, chấp nhận khiếu nại về việc xác định lại số hộ, số khẩu trong gia đình là 03 hộ, 08 khẩu và bồi thường bằng đất ở theo hình thức giao 01 lô đất ở tại khu tái định cư.

Ngày 18/09/2023 bà Bùi Thị N có đơn khiếu nại lần hai. Ngày 05/12/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 2599) trả lời không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại.

Việc UBND huyện T thu hồi 1.026,8m² đất, chỉ bồi thường đối với 997,65m² đất mà không bồi thường đối với 29,15m² đất còn lại với lý do đây là đất chưa sử dụng và đất giao thông do UBND thị trấn H quản lý là không đúng. Phần 29,15m² đất này gia đình bà Bùi Thị N quản lý, sử dụng từ trước đến nay và thuộc Thửa 661 đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tại TLBĐ 2731 thì UBND huyện T tự ý xác định trong 1.792,2m² đất của Thửa 661 có 139m² đất đã được thu hồi tại Dự án mở rộng Quốc lộ A mà không có tài liệu để xác định chính xác phần diện tích này. Căn cứ số liệu đo đạc năm 2014 sau khi thu hồi đất thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ A thì gia đình bà Bùi Thị N còn lại 1.701,2m² đất, diện tích thực tế là 1.792,2m². Như vậy, phần diện tích đất thu hồi tại Dự án mở rộng Quốc lộ A còn lại là 91m², không phải là 139m² *(tại Bản án phúc thẩm số 121/2020/HC-PT ngày 02/07/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng xác định phần diện tích đất còn lại của gia đình bà N sau khi thu hồi năm 2014 là 1.701,2m². Khi Tòa án đo đạc lại thì diện tích thửa đất số 661 là 1.798,4m², do đó phần diện tích đất nằm trong vệt giải phóng mặt bằng được Tòa án xác định bằng cách lấy diện tích đất thực tế hiện nay trừ đi 1.701,2m²)*. UBND huyện T và UBND tỉnh Q cho rằng phần diện tích đất thực tế tăng thêm 133,05m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) vì gia đình bà Bùi Thị N lấn chiếm đất do UBND thị trấn H quản lý và đất giao thông nên không công nhận phần diện tích đất này cho gia đình bà Bùi Thị N nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh phần diện tích đất này thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn H và thuộc đất giao thông.

UBND huyện T xác định giá đất bằng phương pháp so sánh trực tiếp để tính giá trị bồi thường nhưng giá đất mà UBND huyện T phê duyệt 7.628.000 đồng/m² là quá thấp, chỉ ngang bằng với giá đất trong Bảng giá đất ban hành tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q *(quy định giá đất vị trí này là 7.626.000 đồng/m²)*. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ T17 thì tại thời điểm năm 2022 giá đất trung bình trên thị trường giao động từ khoảng 11.000.000 đồng/m² đến 12.000.000 đồng/m².

Ngày 25/12/2023 Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Công nghiệp dịch vụ huyện T ban hành Thông báo số 87/TB-PTQĐ&CN-DV về công khai phương án chi tiết bố trí tái định cư cho bà Bùi Thị N (viết tắt là Thông báo 87); ngày 22/01/2024 UBND huyện T ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (viết tắt là Quyết định 114) và ngày 23/01/2024 ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (viết tắt là Quyết định 126) bố trí cho bà Bùi Thị N 01 lô đất tái định cư, diện tích 100m², nằm sâu trong đường nhỏ 7,5m tại khu phố C, thị trấn H, huyện T với đơn giá 11.970.000 đồng/m², trong khi đất của gia đình bà Bùi Thị N bị thu hồi có vị trí mặt tiền đường Quốc lộ nhưng chỉ được bồi thường với đơn giá 7.628.000 đồng/m². Như vậy, việc UBND huyện T xác định giá đất cụ thể để bồi thường cho bà Bùi Thị N là không phù hợp với giá đất trung bình trên thị trường. Thửa số 661 có 01 mặt tiếp giáp với đường Q, 01 mặt tiếp giáp với đường bê tông, UBND huyện T cho rằng thửa đất của gia đình bà Bùi Thị N chỉ có 01 mặt giáp với Quốc lộ A, 01 mặt còn lại không tiếp giáp với đường bê tông mà cách đường bê tông 01 khu đất trống chưa sử dụng nhưng không có tài liệu chứng minh; phần đất trống giáp phần đất bị thu hồi là thuộc Thửa 661, năm 2002 khi đường bê tông được xây dựng thì con đường này đã cắt qua phần đất nên mới còn lại một phần đất diện tích nhỏ, hình thể hẹp giáp đường bê tông.

UBND huyện T thu hồi tổng cộng 1.026.8m² + 68.9m² = 1.095.7m², xác định diện tích đất gia đình bà Bùi Thị N còn lại 424,45m² nhưng trong đó có 348,25m² đất thuộc hành lang an toàn giao thông, chỉ còn 76,2m² đất được phép để làm nhà ở và chỉ bố trí cho gia đình bà Bùi Thị N 01 lô đất tái định cư, trong khi tại thời điểm thu hồi đất gia đình bà Bùi Thị N đang có 03 hộ, 08 khẩu sinh sống tại 03 căn nhà riêng biệt nằm trên Thửa 661, phần diện tích đất còn lại quá nhỏ, chỉ đủ cho 01 hộ sinh sống. Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; điểm b, c khoản 3 Điều 40 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q và hạn mức giao đất ở không quá 200m² theo quy định của UBND tỉnh Q thì gia đình bà Bùi Thị N cần được xem xét giao 03 lô đất tái định cư.

Các Quyết định do UBND huyện T ban hành để thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình nên bà Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện T về thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn (nay là đường V) đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), đoạn qua thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Hủy Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện T về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện T về thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn (nay là đường V) đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), đoạn qua thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Huỷ Quyết định 2489/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện T về

phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 59) dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

+ Huỷ Quyết định 2501/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND huyện T về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Bùi Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

+ Hủy Quyết định 1177/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 60) dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

+ Hủy Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND huyện T về bồi thường hỗ trợ cho bà Bùi Thị N đối với diện tích đất thu hồi ngoài vạch giải phóng mặt bằng dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

+ Hủy Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị N (lần đầu).

+ Hủy Quyết định 868/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về:

+ Hủy Quyết định 2489/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 59) dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

+ Hủy Quyết định 1177/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 60) dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

+ Hủy Quyết định 868/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

*- Người bị kiện UBND huyện T do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

1. Về thu hồi đất:

Theo hồ sơ địa chính, Thửa 661 được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ bà Bùi Thị N ngày 03/8/2011, số phát hành BE 103696, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 000711, diện tích 1.715,3m², thuộc Thửa 661, tờ bản đồ số 05, loại đất ở đô thị. Diện tích thu hồi để thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ A là 224,3m² (theo Kết luận số 06/KL-UBND ngày

07/10/2022 của UBND huyện T), diện tích thửa đất còn lại là 1.491m² đất ở tại đô thị. Theo hồ sơ đo đạc phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đã được VPĐK huyện Thăng Bình phê duyệt ngày 12/01/2022 thì Thửa 661 có diện tích 1.792,2m² và được chú thích cụ thể như sau: Tổng diện tích thửa đất: 1.792,2m²; Diện tích nằm trong vệt GPMB đường QL1A: 139m²; Diện tích GPMB đường CHCN: 1.026,8m²; Diện tích còn lại: 626,4m².

Nguồn gốc sử dụng đất và công tác xác định diện tích đất đủ điều kiện bồi thường cho hộ bà Bùi Thị N: Trên cơ sở kết quả cuộc họp cộng đồng dân cư ngày 18/4/2022, Hội đồng tư vấn đất đai thị trấn H tổ chức họp xét nguồn gốc thửa đất và thời điểm sử dụng đối với diện tích 1.026,8m² nằm trong vệt giải phóng mặt bằng theo Mảnh trích đo phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án được VPĐK huyện T phê duyệt ngày 12/01/2022 xác định có diện tích 29,15m²/1.026,8 m² thuộc đất chưa sử dụng và đất giao thông do UBND thị trấn H quản lý, gia đình bà Bùi Thị N tự ý yêu cầu xác định khi đo vẽ hiện trạng phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đường nối, diện tích 29,15m² không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất là trường hợp không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ban hành Công văn số 215/TNMT-ĐĐ ngày 27/4/2022 với nội dung: Diện tích đủ điều kiện bồi thường là 997,65m² (diện tích đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 2011). Diện tích không đủ điều kiện bồi thường về đất 29,15m² (nằm trong vệt giải phóng mặt bằng đường cứu hộ, cứu nạn do hộ bà Bùi Thị N kê khai trong Mảnh trích đo phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án). Căn cứ hồ sơ pháp lý và đề nghị của UBND thị trấn H, của Phòng T18, UBND huyện đã ban hành Quyết định 592 thu hồi diện tích 997,65m² đất ở tại đô thị của hộ bà Bùi Thị N đang sử dụng, thuộc Thửa 661 để thực hiện Dự án đường nối và được điều chỉnh tại Quyết định 775 là đúng quy định pháp luật.

Ngày 14/6/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định 460 tiếp tục thu hồi 68,9m² đất của hộ bà Bùi Thị N (theo đơn đề nghị của bà N, diện tích này trong GCNQSDĐ nhưng nằm ngoài vệt giải phóng mặt bằng).

Như vậy, diện tích đất của hộ bà Bùi Thị N còn lại theo GCNQSDĐ là (1.491m² - 997,65m² - 68,9m²) = 424,45m²; diện tích đất còn lại theo hiện trạng là (1.653,2m² - 997,65m² - 68,9m² - 29,15m²) = 557,5m².

2. Về thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại Quyết định 927:

Theo hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của hộ bà Bùi Thị N hiện đang lưu trữ tại VPĐK huyện T cho thấy: GCNQSDĐ (bản photo không chứng thực) do đơn vị đo đạc là Công ty cổ phần A2 cung cấp (phục vụ công tác thu hồi đất thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A vào năm 2014) đã chỉnh sửa sơ đồ, kích thước, diện tích không đúng so với hồ sơ gốc đang lưu trữ tại VPĐK huyện T. UBND thị trấn H

và các cơ quan chức năng của huyện đã sử dụng bản phô tô GCNQSDĐ (không chứng thực) làm căn cứ xác lập các hồ sơ liên quan và tham mưu UBND huyện T ban hành Quyết định số 927 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Thành phần 1 mở rộng Quốc lộ A đoạn qua thị trấn H của hộ bà Bùi Thị N là không đúng theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 46 Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, dẫn đến diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án Thành phần 1 mở rộng Quốc lộ A đoạn qua thị trấn H đối với hộ bà Bùi Thị N nêu tại Quyết định số 927 là không chính xác (diện tích thu hồi đất theo Quyết định số 927 là 274,8m². Sau khi xác định lại vị trí tim đường tại thời điểm đo đạc để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ A thì trong tổng diện tích thu hồi 274,8m² có 224,3m² trong GCNQSDĐ và 50,5m² ngoài GCNQSDĐ).

Sau khi UBND huyện ban hành Kết luận số 06/KL-UBND ngày 07/10/2022 về thanh tra đột xuất đối với UBND thị trấn H và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác xác định nguồn gốc, kiểm kê, thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất khi giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ A đối với Thửa 661 của hộ bà Bùi Thị N thì Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định 415 điều chỉnh Quyết định 927 (điều chỉnh giảm 50,5m² ngoài GCNQSDĐ không được bồi thường).

3. Về giá đất:

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T17 quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất. Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2015 của Bộ T17 về việc đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T17 quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất. Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh Q ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Đơn giá đất để áp giá bồi thường diện tích đất ảnh hưởng của hộ bà Bùi Thị N tại Thửa 661 được xác định cụ thể theo Mảnh đo đạc, chỉnh lý mảnh trích đo địa chính đã được VPĐK huyện Thăng Bình thẩm định, duyệt ngày 12/01/2022, nằm trên tuyến đường N, đoạn từ đường vào Trường T19 *(Mương nước đối diện)*. Đơn vị tư vấn xây dựng giá đất đã thực hiện quy trình xác định giá đất ở cụ thể theo các quy định nêu trên, đơn giá bình quân đối với phần diện tích đất dự kiến thu hồi thuộc Thửa 661 là 7.628.000 đồng/m². Trên cơ sở đề xuất giá đất của đơn vị tư vấn và tham mưu của Phòng T18, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1542 về việc phê duyệt giá cụ thể để áp dụng bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đường nối, cụ thể là: Vị trí đất ở tại đô thị tại thị trấn H: T đường N: đoạn từ đường vào trường T19 *(Mương nước đối diện)* - B có giá là 7.628.000 đồng/m³.

Giá đất ở cụ thể nêu trên được áp dụng cho toàn bộ diện tích đất ở bị thu hồi tại Thửa 661 của hộ bà Bùi Thị N bị ảnh hưởng Dự án đường nối. Do đó, giá đất cụ thể để áp dụng bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đường nối đối với hộ bà Bùi Thị N đã được UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định số 1542 là đúng quy định pháp luật.

4. Về hỗ trợ đất tái định cư cho hộ bà Bùi Thị N:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 13 và khoản 6 Điều 40 Quyết định 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q và thực trạng diện tích đất còn lại sau khi thu hồi đất thì trường hợp thu hồi đất của hộ bà Bùi Thị N được xem xét bồi thường bằng đất ở theo hình thức giao đất ở tại các khu tái định cư (bố trí 01 lô đất tái định cư theo quy định) là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

5. Về giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T:

Chủ tịch UBND huyện T đã thụ lý, xác minh, tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định 1776 là đảm bảo về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo đúng quy định pháp luật. Các yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N là không có cơ sở.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Q, do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Ngày 25/9/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q nhận được Đơn khiếu nại của bà Bùi Thị N khiếu nại Quyết định 1776 của Chủ tịch UBND huyện T (lần đầu). Ngày 27/9/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2041/QĐ-UBND giao nhiệm vụ cho Thanh tra tỉnh Quảng Nam xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại. Căn cứ kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Bùi Thị N, kết quả đối thoại với người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị N, ngày 1105/12/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định 2599 giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị N (lần hai), theo đó không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị N đối với UBND huyện T liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thực hiện Dự án đường nối.

Quyết định 2599 của Chủ tịch UBND tỉnh Q được ban hành theo đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2024/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, đã quyết định:*

1. Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút của người khởi kiện bà Bùi Thị N về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 59) Dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C) huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

- Hủy Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 60) Dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C) huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

- Hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về cưỡng chế thu hồi đất.

2. Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Bùi Thị N về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện T về thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn (nay là đường V) đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), đoạn qua thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện T về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện T về thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn (nay là đường V) đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), đoạn qua thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định 2501/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND huyện T về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Bùi Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

- Hủy Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND huyện T về bồi thường hỗ trợ cho bà Bùi Thị N đối với diện tích đất thu hồi ngoài vạch giải phóng mặt bằng Dự án Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A (tại ngã ba C), huyện T, tỉnh Quảng Nam (đoạn qua thị trấn H).

- Hủy Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị N, trú tại khu phố I, thị trấn H, huyện T (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

*- Ngày 30/8/2024, người khởi kiện bà Bùi Thị N có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.*

***Tại phiên toà phúc thẩm:***

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị N giữ nguyên kháng cáo và thống nhất trình bày: Hộ gia đình bà Bùi Thị N sử dụng diện tích đất là hơn 4.000m$^2$ từ trước năm 1975, sau đó kê khai, đăng ký sử dụng và được cấp GCNQSDĐ nhưng gia đình thống nhất tổng diện tích đất sử dụng hợp pháp là 1.701,2m$^2$. UBND huyện T đã thu hồi làm đường Quốc lộ 1A và đường nối đã thu hồi của gia đình tổng cộng 1.026,8m$^2$, diện tích đất còn lại là 605,5m$^2$ nhưng UBND huyện T xác định diện tích của gia đình chỉ còn lại 424,45m$^2$ là không đúng. Đất của gia đình sử dụng là đất thổ cư, đã được Nhà nước công nhận tiếp giáp với 02 mặt đường là có vị trí đặc biệt nên việc áp giá bồi thường là không đúng. Diện tích đất ở của gia đình còn lại sau khi bị thu hồi không đủ để xây dựng nhà ở nên đề nghị thu hồi 605,5m$^2$ đất còn lại để bồi thường cho tổng diện tích đất bị thu hồi là 1.701,2m$^2$. Trên diện tích đất bị thu hồi có 08 nhân khẩu cùng cư trú, sinh sống, nay không có chỗ ở nào khác, mới được tái định cư 01 suất nên đề nghị bố trí thêm 02 suất tái định cư cho gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung, các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị N là trong hạn luật định và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Bùi Thị N chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N gồm có các ông, bà: Huỳnh Hữu T14, Huỳnh Hữu B, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Hữu A1, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị H1 đều giữ nguyên đơn kháng cáo của bà Bùi Thị N nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị N, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N gồm có các ông, bà: Huỳnh Hữu T14, Huỳnh Hữu B, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Hữu A1, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị H1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị N là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Bùi Thị N chết, căn cứ các tài liệu và sự thừa nhận của các đương sự trong vụ án, xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N gồm có các ông, bà: Huỳnh Hữu T14, Huỳnh Hữu B, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Hữu A1, Huỳnh

Thanh H, Huỳnh Thị H1 và họ đều giữ nguyên đơn kháng cáo của bà Bùi Thị N nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt một số đương sự nhưng trong đó có người có đơn xin xét xử vắng mặt, có người uỷ quyền cho người khác tham gia phiên toà, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện:

UBND huyện T ban hành các Quyết định số 592, Quyết định 775, Quyết định 2501, Quyết định số 1237 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 1776 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại, việc ban hành Quyết định 1776 còn vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại nên bản án sơ thẩm kiến nghị Chủ tịch UBND huyện T rút kinh nghiệm là phù hợp.

[2.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

- Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng Thửa 661 của hộ bà Bùi Thị N:

Thửa 661, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.000m², loại đất: T, mục đích sử dụng là để ở và đất vườn do gia đình bà Bùi Thị N sử dụng từ trước năm 1975, được ông Huỳnh Hữu P (chồng bà N) kê khai, đăng ký sử dụng, theo hồ sơ Nghị định 60/CP của Chính phủ. Tại Quyết định số 756/QĐ-CT ngày 21/3/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Hữu P thì Thửa 661 có diện tích là 1.715,3m², giảm 284,7m² so với hồ sơ đăng ký (2.000m²); nguyên nhân là khi đo đạc, xác lập bản đồ địa chính (hồ sơ Nghị định 60/CP), bộ phận đo đạc đã xác định mốc giới phía Bắc thửa đất của hộ ông Huỳnh Hữu P chưa được chính xác, đã đo bao gồm cả phần diện tích đất phía ngoài bờ rào kẽm gai và khi phê duyệt bản đồ đã thiếu kiểm tra nên không phát hiện để điều chỉnh kịp thời. UBND huyện T đã điều chỉnh diện tích thửa đất của hộ ông Huỳnh Hữu P trong hồ sơ địa chính (hồ sơ Nghị định 60/CP) theo đúng với thực tế quản lý, sử dụng là 1.715,3m². Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ được lưu trữ tại VPĐK huyện T thì hộ bà Bùi Thị N được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số BE 103696 ngày 03/8/2011, tại Thửa 661, tờ bản đồ 05, diện tích 1.715,3m², loại đất ở đô thị.

- Về diện tích của thửa đất và diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi để thực hiện các dự án:

+ Về diện tích của thửa đất: Theo bà Bùi Thị N khi thực hiện Dự án mở rộng

Quốc lộ A, các cơ quan Nhà nước đã đo đạc, tại TLBĐ 2259 lập ngày 23/5/2014 (kèm theo Quyết định 927) Thửa 661 có diện tích 1.976m²; ranh giới phía Bắc giáp liền với đường bê tông, đây là cơ sở cho việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất. Theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 756/QĐ-CT ngày 21/3/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Q và hồ sơ cấp GCNQSDĐ lưu trữ tại VPĐK huyện T thì cho hộ bà Bùi Thị N được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số BE 103696 ngày 03/8/2011 tại Thửa 661, tờ bản đồ 05, diện tích 1.715,3m², loại đất ở đô thị; ranh giới phía Bắc giáp với khu đất chưa sử dụng (diện tích 284,7m²). Trong hồ sơ khiếu nại của bà Bùi Thị N có bản phô tô không được công chứng, chứng thực GCNQSDĐ số BE 103696 thì diện tích Thửa 661 là 1.970m², cạnh phía Bắc của thửa đất giáp liền với đường bê tông (tức không có phần đất chưa sử dụng) nhưng không cung cấp được bản gốc; Tổ xác minh của Thanh tra tỉnh Quảng Nam cũng không thu thập được bản gốc để kiểm tra, đối chiếu. Do đó, căn cứ hồ sơ gốc cấp GCNQSDĐ, được lưu tại VPĐK huyện T xác định: Diện tích Thửa 661 của hộ bà Bùi Thị N là 1.715,3m², ranh giới phía Bắc của thửa đất giáp với khu đất chưa sử dụng.

+ Về diện tích còn lại của thửa đất: Theo kết quả đo đạc, diện tích hiện trạng Thửa 661 là 1.988,1m², cạnh phía Bắc của thửa đất giáp liền với đường bê tông. Ngày 23/5/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định 927 thu hồi 274,8m² để thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ A. Theo Kết luận thanh tra số 06/KL-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện T thì trong 274,8m² đất thu hồi có 224,3m² nằm trong GCNQSDĐ và 50,5m² ngoài GCNQSDĐ cấp cho hộ bà Bùi Thị N không đủ điều kiện bồi thường nên UBND huyện T ban hành Quyết định 415 điều chỉnh Quyết định 927, điều chỉnh giảm diện tích 50,5m² nằm ngoài GCNQSDĐ. Như vậy, diện tích Thửa 661 còn lại theo hiện trạng sau khi thu hồi là (1.988,1m² - 274,8m²) = 1.713.3m², trong đó diện tích đất còn lại nằm trong GCNQSDĐ là (1.715,3m² - 224,3m²) = 1.491m². Theo kết quả Trích đo địa chính thửa đất số 2394/VPĐK kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì hiện trạng Thửa 661 có diện tích 1.798,4m² (bao gồm cả phần diện tích thu hồi để mở rộng Quốc lộ A nhưng chưa xác định được là bao nhiêu m²). Khi thực hiện Dự án đường nối, kết quả đo đạc diện tích hiện trạng Thửa 661 là 1.792,2m² nhưng trong đó có 139m² đất đã được thu hồi tại Dự án mở rộng Quốc lộ A nên thực tế hiện trạng Thửa 661 hộ bà Bùi Thị N sử dụng là (1.792,2m² - 139m²) = 1.653,2m². Ngày 20/10/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định 592, được điều chỉnh tại Quyết định 775 thu hồi 997,65m² (diện tích đất này là trong GCNQSDĐ). Ngày 14/6/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định 460 tiếp tục thu hồi 68,9m² (diện tích này là trong GCNQSDĐ nhưng ngoài vệt giải phóng mặt bằng dự án) và phần diện tích trong vệt giải phóng mặt bằng nhưng ngoài GCNQSDĐ không đủ điều kiện bồi thường là 29,15m². Như vậy, diện tích Thửa 661 còn lại theo hiện trạng là 1.653,2m² - (997,65m² + 68,9m² + 29,15m²) = 557,5m²; trong đó diện tích đất còn lại theo GCNQSDĐ là 1.491m² - (997,65m² - 68,9m²) = 424,45m². Kết quả các lần trích đo diện tích hiện trạng Thửa 661 không trùng khớp, có sự chênh lệch tăng, giảm về diện tích; nguyên nhân là do xác định mốc giới thửa đất qua mỗi lần đo là khác nhau. Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Bùi Thị N thì Thửa 661 có diện tích là 1.715,3m², ranh giới phía Bắc của thửa đất giáp với khu đất chưa sử dụng. Như vậy,

diện tích còn lại của T16 661 của hộ bà Bùi Thị N sau khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án mở rộng đường Q và Dự án đường nối là 424,45m².

- Về xác định vị trí đất, định giá đất, phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường:

+ Hộ bà Bùi Thị N cho rằng Thửa 661 vừa giáp với Quốc lộ A (ở phía Tây) vừa giáp với đường bê tông (ở phía Bắc) nên đề nghị áp giá theo vị trí thửa đất đặc biệt để bồi thường. Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với Thửa 661 cho hộ bà Bùi Thị N thì phía Tây thửa đất giáp với Quốc lộ A, phía Bắc thửa đất giáp với khu đất chưa sử dụng. Do đó, ngày 21/6/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q có Công văn số 1401/STNMT-QLĐĐ khẳng định Thửa 661 không phải là thửa đất có 02 mặt tiền là có căn cứ.

+ Theo Chứng thư định giá đất số 5122A/QCV-CTĐGĐ ngày 26/5/2022 và Báo cáo số 5122A/QCV-BCTM ngày 26/5/2022 về thuyết minh phương án xây dựng giá đất cụ thể của Công ty Cổ phần T20 cho thấy: Công ty sử dụng phương pháp định giá đất theo phương pháp so sánh trực tiếp; trình tự, nội dung xác định giá đất được thực hiện theo Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T17 và Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh Q; đơn giá bình quân đối với 997,65m² đất của hộ bà Bùi Thị N là 7.628.000 đồng/m². Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T18 tiến hành thẩm định giá đất, có văn bản đề nghị và ngày 01/7/2022, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T18 có Công văn số 83/CV-TCKH thống nhất với kết quả thẩm định giá đất nêu trên. Trên cơ sở đề nghị của Phòng T18 tại Tờ trình số 765/TTr-TNMT ngày 04/7/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 phê duyệt giá đất cụ thể để áp dụng bồi thường đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình bà Bùi Thị N. Như vậy, việc UBND huyện T phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường 7.628.000 đồng/m² cho hộ bà Bùi Thị N đối với phần diện tích đất thu hồi tại T là có cơ sở.

- Về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Bùi Thị N:

+ Đối với diện tích đất trong vệt giải phóng mặt bằng 997,65m²: Theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định 2489 và Quyết định 2501 thì tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Bùi Thị N là 8.720.186.257 đồng, trong đó: Bồi thường về đất 7.610.074.200 đồng; bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc: 922.238.291 đồng; bồi thường về cây cối, hoa màu 102.755.000 đồng; hỗ trợ hệ thống điện, nước 19.318.766 đồng; hỗ trợ ổn định cuộc sống 10.800.000 đồng; hỗ trợ chi phí di chuyển 9.000.000 đồng; hỗ trợ thuê nhà: 36.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí giải quyết thủ tục nơi ở mới 10.000.000 đồng; dự kiến hỗ trợ bàn giao mặt bằng 20.000.000 đồng.

+ Đối với diện tích đất ngoài vệt giải phóng mặt bằng (68,9m²): Theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định 1177 và Quyết định 1237 thì tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Bùi Thị N là 525.569.200 đồng (bồi thường về đất).

+ Như vậy, tổng giá trị hộ bà Bùi Thị N được bồi thường, hỗ trợ do bị thu hồi

đất 9.245.755.457 đồng (chưa tính tiền dự kiến hỗ trợ bàn giao mặt bằng 20.000.000 đồng) là đã đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về bố trí tái định cư cho hộ bà Bùi Thị N:

+ Diện tích đất ở còn lại trong GCNQSDĐ của hộ bà Bùi Thị N là 424,45m², trong đó diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông là 348,25m², diện tích đất còn lại 76,2m² nằm ngoài chỉ giới hành lang an toàn công trình tuyến đường nối từ Đường cứu hộ, cứu nạn đến Quốc lộ A tại ngã 3 C, được Sở Giao thông vận tải tỉnh Q xác định tại Công văn số 1185/SGTVT-KCHT ngày 18/4/2023 và Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện T xác định tại Công văn số 241/KTHT-QHXD ngày 22/6/2023 là đủ điều kiện được phép để làm nhà ở nên UBND huyện T không lập phương án bố trí tái định cư cho hộ bà Bùi Thị N là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 6 Điều 40 Quyết định 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q.

+ Quá trình giải quyết khiếu nại, xét thấy diện tích đất còn lại 76,2m² có đủ điều kiện để làm nhà ở nhưng dưới 01 lần hạn mức giao đất ở và hộ bà Bùi Thị N có 03 cặp vợ chồng gồm 08 nhân khẩu cùng sinh sống trên thửa đất. Do đó, ngày 23/8/2023 UBND huyện T ban hành Quyết định 1776 bố trí cho hộ bà Bùi Thị N 01 lô đất tái định cư là đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 40 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q.

[3] Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N là có căn cứ pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị N, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N gồm có các ông, bà: Huỳnh Hữu T14, Huỳnh Hữu B, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Hữu A1, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị H1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Bùi Thị N (đã chết) và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm các ông, bà: Huỳnh Hữu T14, Huỳnh Hữu B, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Hữu A1, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị H1 đều là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị N gồm các ông, bà: Huỳnh Hữu T14, Huỳnh Hữu B, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Hữu A1, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị H1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2024/HC-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện bà Bùi Thị N gồm các ông, bà: Huỳnh Hữu T14, Huỳnh Hữu B, Huỳnh Thị L1, Huỳnh Hữu A1, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị H1.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

có cơ sở để chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/QĐ-VC2 ngày 14/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 382; khoản 1 Điều 388; Điều 389 và Điều 395 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/QĐ-VC2 ngày 14/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2024/HS-PT ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Cường** **Phan Thị Vân Hương** **Nguyễn Tiến Dũng**

***Nơi nhận:***
*- TAND tối cao;*
*- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
*- TAND tỉnh Quảng Nam;*
*- VKSND tỉnh Quảng Nam;*
*- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;*
*- Các đương sự (theo địa chỉ);*
*- Lưu HSVA, VP, HCTP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**